TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NINH GIANG** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 19 /2025/HS-ST
Ngày 09/04/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NINH GIANG, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà*:* Ông **Vũ Minh Hải**

Các hội thẩm nhân dân*:* ông **Bùi Đức Thụy**, **ông Vũ Hồ Phương.**

- Thư ký phiên toà: Ông **Nguyễn Tiến Linh** - Thư ký Toà án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Ông **Khương Viết Xuân**- Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 14/2025/TLST-HS ngày 17 tháng 03 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2024/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 3 năm 2025, đối với bị cáo:

1.**Vũ Văn M**, sinh năm 1976; tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; nơi sinh: N; nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Thôn P xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 07/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Văn M1 ; và bà: Phạm Thị B; có vợ là; Đào thị T; có 02 con; **Tiền án, tiền sự**: Không; biện pháp ngăn chặn: Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 08/01/2025, tại trại tạm giam Công an tỉnh H đến nay- Có mặt tại phiên tòa

Bị hại: Chị Triệu Thị N, sinh năm 1986. Địa chỉ số A Đường T, phường B, thành phố H, tỉnh Hải Dương (có mặt). Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1993 (có mặt), Anh Nguyễn Xuân V, sinh năm 1998(vắng mặt có lý do), Anh Hoàng Trung C, sinh năm 19979(có mặt). Đều có địa chỉ: Thôn P, xa N, huyện N, tỉnh Hải Dương.

Người làm chứng: Chị Đào thị L(có mặt), Trần Thị H(có mặt), Đoàn Văn Đ1(vắng mặt), Đồng Thị M2(vắng mặt), Đặng Văn T1(vắng mặt), Ngô Văn T2(vắng mặt), Hoàng Bá D(vắng mặt), Hà Văn M3(vắng mặt), Nguyễn Thị L1(vắng

mặt), Nguyễn Thị T3 (có mặt), Vũ Quý C1(vắng mặt), Vũ Tuấn K (vắng mặt), Vũ Thị Kim L2 (vắng mặt), Đào Thị T (có mặt), Đào Thị X(có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Vũ Văn M là người lao động tự do, không làm việc tại công ty, tổ chức nào được Nhà nước cấp phép hoạt động dịch vụ đưa người đi lao động ở nước ngoài. Tuy nhiên, M đã đưa ra thông tin gian dối có thể giúp công dân đi xuất khẩu lao động thời vụ tại các nước A, Hàn Quốc trong vòng 3-4 tháng và yêu cầu nộp tiền đặt cọc, tiền dịch thuật, phí hồ sơ, nếu không đi được M sẽ hoàn lại tiền…Bằng phương thức, thủ đoạn trên, trong khoảng thời gian từ ngày 15/4/2023 đến 19/7/2023 và từ ngày 31/5/2024- 03/7/2024, M đã chiếm đoạt tổng số tiền 440.500.000 đồng để cam kết giúp 40 công dân đi lao động thời vụ tại nước A, Hàn Quốc; cụ thể như sau: ***Hành vi lừa đảo chiếm đoạt 373.400.000 đồng đối với chị Triệu Thị N:*** Vũ Văn M có quen biết với Nguyễn Thị T3 từ trước. Đầu năm 2023, M có nói chuyện với T3 về việc M đang có chương trình đi lao động thời vụ tại A và còn khoảng 10 suất đăng ký và bảo có ai thì giới thiệu. Sau đó, trong quá trình gặp nhau ở công ty cổ phần C3, địa chỉ: C N- TP .- Hải Dương thì T3 có nói chuyện với N về chương trình trên của M và cho N số điện thoại của M là 0379.393.866 để liên hệ. Ngân lưu số điện thoại của M là "A Mạnh Ninh G" rồi dùng zalo của N tên là "Nuhoang Tinhyeuk" được đăng ký bởi số điện thoại 0865.606.383 kết bạn với zalo của M tên là "Nói đi ban" được đăng ký bởi số điện thoại 0379.393.866 rồi gọi điện trao đổi nhiều lần nhưng M nói chưa có chương trình xuất khẩu lao động thời vụ sang A Q và giới thiệu cho N số điện thoại của Hà Văn M3 là 0982.508.508 để hỏi về chương trình trên (do M3 biết Hà Văn M3 đã từng lo giúp cho 02 người đi lao động và định cư tại nước A). Ngân có gọi điện cho Hà Văn M3 thì Hà Văn M3 trả lời không có chương trình nào nên cũng không còn liên hệ gì nữa; Vũ Văn M cũng nhiều lần gọi điện cho Hà Văn M3 để hỏi về chương trình đi lao động thời vụ tại nước A thì đều được trả lời là không có và không giúp gì được. Ngoài ra, Vũ Văn M còn giới thiệu cho N về anh Đỗ Xuân H1 ở công ty cổ phần H2, địa chỉ: C khu C, khu đô thị G- D- H- Hà Nội thì được anh H1 nói đang có chương trình xuất khẩu lao động sang Đài Loan thì N đã dẫn 03 người lên công ty H2 để làm hồ sơ, thủ tục thì cả 03 người đều được xuất khẩu lao

động sang Đài Loan. Thấy chỗ Công ty của anh H1 làm ăn uy tín nên N cũng phần nào tin tưởng M có thể lo được xuất khẩu lao động thời vụ sang A Q như quảng cáo.

Đến tháng 4/2023, Vũ Văn M gọi cho N nói có chương trình lao động thời vụ tại nước A và bảo N có đăng ký cho người nào đi thì gửi thông tin cho M để đăng ký. Ngoài ra, M còn nhắn tin cho N các hình ảnh về đơn hàng tuyển người đi lao động ở Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan…và bảo N hiện đang có 02 xuất đi Hàn Quốc nên N đã đăng ký cho chồng Đoàn Văn Đ1- sinh năm 1984 và chuyển 2.700.000 đồng cho M để đăng ký hồ sơ. Sau đó, giữa N và Vũ Văn M trao đổi về việc đi lao động thời vụ tại nước A thì M nói với N là sắp tới có khoảng vài trăm xuất, làm thời vụ nông nghiệp 06 tháng, mức lương từ 40-60 triệu đồng/tháng, dự kiến tháng 6-7/2023 sẽ có lịch phỏng vấn, chi phí đi cho mỗi trường hợp hết khoảng 130.000.000 đồng nộp về cho M, trong đó đặt cọc trước 25.000.000 đồng/người và gửi thông tin cá nhân về cho M để đăng ký thì N thỏa thuận với M là mỗi trường hợp chỉ đặt cọc 10.000.000 đồng thì M đồng ý, còn 120.000.000 đồng thì khi nào có visa để sang lao động mới phải nộp hết. Do tin tưởng M, trong khoảng thời gian từ ngày 15/4/2023 đến ngày 19/7/2023, N đã chuyển khoản từ tài khoản ngân hàng V1 số 0341007214244 của N đến số tài khoản ngân hàng V1 số 1017707476 của Vũ Văn M với tổng số tiền là 373.400.000 đồng và gửi thông tin 37 người cho M để nhờ lo cho đi lao động thời vụ tại Hàn Quốc và nước A; trong đó: 02 trường hợp đi Hàn Quốc với số tiền 20.700.000 đồng, 35 trường hợp đi nước Anh với số tiền 352.700.000 đồng (trong đó: 27 trường hợp là do anh Đặng Văn T1 nhờ N đăng ký hộ, còn 08 người là người thân, bạn bè của N). Tuy nhiên, đến hết tháng 7/2023 cũng không thấy M thông báo lịch phỏng vấn, cũng không trả lại tiền cho N như đã hứa hẹn. N đã nhiều lần gọi điện, cũng như đến nhà M để gặp, đòi tiền. Ban đầu, M nói đã chuyển cho Vũ Quý C1 nhưng C1 khai không có trao đổi gì với M và cũng không chuyển, chia tiền với C1 về chương trình lao động thời vụ tại A, Hàn Quốc. Sau đó, M thừa nhận sau khi nhận được tiền của N đã tiêu xài cá nhân hết mà không chuyển cho ai. Do M không trả tiền đặt cọc của các công dân nên N đã phải tự bỏ tiền ra trả lại 37 công dân tổng số tiền 373.400.000 đồng.

***Hành vi lừa đảo chiếm đoạt 67.100.000 đồng đối với anh Nguyễn Văn T4; Nguyễn Xuân V; Hoàng Trung C*:**Năm 2024, Nguyễn Văn T4 và Hoàng Trung C

đều ở thôn P- N- N- Hải Dương muốn đi lao động tại nước ngoài. Qua trò chuyện với bạn bè ngoài xã hội thì biết thông tin Vũ Văn M có thể lo cho đi lao động ở nước ngoài nên ngày 29/5/2024, T4 và C cùng nhau đến nhà M ở thôn P- T- N để nói chuyện, trao đổi về việc đi lao động thời vụ tại Hàn Quốc thì M bảo hiện có 01 suất đi lao động thời vụ tại Hàn Quốc tổng chi phí đi hết 70.000.000 đồng, bay trong tháng 8/2024, cam kết sẽ giúp đi được nếu không sẽ hoàn lại đủ tiền thì C đăng ký. Đến chiều 30/5/2024, M điện thoại báo cho C là có thêm một suất đi lao động thời vụ tại Hàn Quốc nữa nên C báo cho T4. Sau đó, T4 gọi điện thoại cho M thì M xác nhận là giúp được T4 đi lao động thời vụ tại Hàn Quốc, chi phí hết 70.000.000 đồng, thời gian bay tháng 8/2024 như C, T4 đồng ý. M bảo C, Thược gửi ảnh chân dung, Căn cước công dân 02 mặt và cọc tiền 12.600.000 đồng. Sau đó, C gửi ảnh chân dung, Căn cước công dân cho M qua ứng dụng zalo, còn T4 nhờ vợ là Đào Thị L- sinh năm 1997 gửi cho M qua ứng dụng zalo. Đến ngày 31/5/2024, T4 sử dụng tài khoản ngân hàng B1 số 4603486417 của T4 chuyển 12.600.000 đồng vào tài khoản ngân hàng V1 số 1017707476 của Vũ Văn M, còn C nhờ vợ là Trần Thị H sử dụng tài khoản ngân hàng B1 số 4603806149 của H chuyển 12.600.000 đồng vào tài khoản ngân hàng V1 số 1017707476 của Vũ Văn M, M nhận được tiền bảo T4, C cứ yên tâm đợi đến tháng 8/2024 còn thủ tục M sẽ lo cho.

Biết được C, T4 ở cùng thôn chuẩn bị đi lao động tại Hàn Quốc, Nguyễn Xuân V- sinh năm 1998 cũng muốn đi nên nhờ T4 hỏi hộ thì M bảo còn 01 suất, T4 cho V số điện thoại của M để liên hệ. Sau đó, V gọi điện cho M thì M cam kết, hứa hẹn giúp V đi lao động thời vụ Hàn Quốc và V chụp ảnh chân dung, Căn cước công dân gửi cho M, ngày 02/6/2024 V sử dụng tài khoản ngân hàng B1 số 4603021881 của V chuyển 12.600.000 đồng vào tài khoản ngân hàng V1 số 1017707476 của Vũ Văn M để đặt cọc.

Đến ngày 10/6/2024, M điện cho C, T4, V bảo chuyển tiền để M làm hồ sơ dịch thuật chuẩn bị hồ sơ là 1.600.000 đồng/01 người thì C, T4 đều nhờ vợ chuyển (vợ T4 sử dụng tài khoản ngân hàng B1 chuyển khoản vào số tài khoản ngân hàng V1 số 1017707476 của Vũ Văn M), còn V sử dụng tài khoản ngân hàng của mình chuyển vào tài khoản ngân hàng V1 số 1017707476 của Vũ Văn M. Sau khi nhận được tiền M bảo 03 người cứ yên tâm, chắc chắn Mạnh giúp được. Đến ngày

27/6/2024, M điện cho C bảo chuyển thêm tiền cọc và M hứa giúp C bay trong đầu tháng 7/2024, do tin tưởng nên C tiếp tục nhờ vợ chuyển khoản ngân hàng cho M 5.000.000 đồng. Đến ngày 02/7/2024, M điện cho T4 yêu cầu chuyển khoản thêm số tiền 9.500.000 đồng, do tin tưởng nên T4 đã chuyển khoản cho M. Đến ngày 03/7/2024, M điện thoại cho V yêu cầu chuyển khoản thêm số tiền 10.000.000 đồng, do tin tưởng nên V đã chuyển khoản cho M.

Tuy nhiên, khi đến thời hạn cam kết thì M vẫn không lo được cho 03 người trên đi lao động thời vụ tại Hàn Quốc nên gọi cho M thì M bảo bên Hàn Quốc giấy tờ chưa xong và bảo họ yên tâm chờ đợi. Đến tháng 9-10/2024 vẫn không có thông tin gì nên 03 người trên bảo M cho rút hồ sơ nhưng M vẫn bảo họ yên tâm đợi, nếu đến ngày 11/11/2024 nếu không lo được thì M rút hồ sơ và trả tiền. Đến ngày 11/11/2024, M điện cho T4 bảo không lo được và sẽ rút hồ sơ, trả hết tiền cho 03 người nhưng hẹn 01 tháng sau sẽ trả và có viết giấy thỏa thuận trả cọc để M ký thì T4 điện báo cho C, V thì họ đều đồng ý. T4 bảo C viết giấy thỏa thuận trả cọc để cho 03 người ký, C nhờ vợ viết hộ và ký tên hộ C, sau đó C mang đưa cho T4, V ký, sau khi ký thì T4 cầm giấy trên và đưa Mạnh điền thông tin giờ, ngày tháng năm, thông tin địa chỉ, Căn cước công dân của M và ký tên xác nhận. Tuy nhiên, đến nay M vẫn không hoàn trả lại tiền như đã cam kết.

Sau khi nhận được tiền từ Triệu Thị N, Nguyễn Văn T4, Hoàng Trung C, Nguyễn Xuân V thì M không lo giúp các công dân để đi lao động tại nước ngoài, mà dùng để tiêu xài cá nhân hết. Đến hẹn như đã hứa, các công dân nhiều lần hối thúc và đòi lại tiền, M hứa sẽ trả số tiền trên cho các công dân. Tuy nhiên, M không trả tiền như đã cam kết nên các công dân đã làm đơn tố giác đến Cơ quan CSĐT- Công an huyện N.

Về vật chứng: Đối với 01 chiếc điện thoại bị can M dùng để đăng nhập tài khoản zalo bị rơi, vỡ nát hỏng toàn bộ bị cáo đã ném đi nhưng không nhớ là điện thoại gì, ném đi đâu nên không truy tìm được.

Về trách nhiệm dân sự: Đến nay bị cáo và gia đình đã trả lại cho chị N 18.000.000 đồng. Chị N, anh C, anh T4, anh V yêu cầu bị cáo M bồi thường tổng số tiền mà bị cáo đã chiếm đoạt là 422.500.000 đồng

Theo bản cáo trạng số 18/CT-VKS-NG, ngày 11/03/2025, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Giang truy tố bị cáo Vũ Văn M về tội " Lừa đảo chiếm đoạt tài sản " tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa: Bị cáo, bị hại không tranh luận gì với Viện kiểm sát, khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng, xác định Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Giang truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, không thắc mắc, khiếu nại hoặc có ý kiến gì bổ sung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương thực hành quyền công tố tại phiên tòa trình bày luận tội, giữ nguyên nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Về tội danh: Đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo Vũ Văn M phạm tội: Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Về hình Phạt: Áp dụng điểm a khoản 3 điều 174; điều 38; điểm b,s khoản 1, khoản 2 điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Vũ Văn M, đề nghị xử phạt bị cáo Vũ Văn M từ 12 năm đến 12 năm 06 tháng tù, tính từ ngày 08/01/2025. **3. Về hình phạt bổ sung:** Không.**4. Về vật chứng:** Không. **5. Về trách nhiệm dân sự:** Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 584, Điều 585, Điều 586 và Điều 589 Bộ luật Dân sự, buộc Vũ Văn M bồi thường tổng số tiền 422.500.000 đồng cho các bị hại, cụ thể: Chị Triệu Thị N, số tiền: 355.400.000 đồng, Anh Nguyễn Văn T4, số tiền: 23.700.00 đồng, Anh Hoàng Trung C, số tiền: 19.200.000 đồng, Anh Nguyễn Xuân V, số tiền: 24.200.000 đồng

Kiến nghị Ngân hàng N1 thu hồi số tài khoản ngân hàng V1 số 1017707476 mang tên Vũ Văn M. Kiến nghị Bộ T5 thu hồi sim số 0379.393.866.**7. Về án phí:** Áp dụng Điều 136 Bộ luật TTHS, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội: Bị cáo Vũ Văn M phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm.

Nói lời sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau;

[1]. Cơ quan Điều tra Công an huyện N, Điều tra viên,Viện kiểm sát huyện N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến khiếu nại về

hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp

[2]. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố, phù hợp lời khai bị hại, kết hợp với kết luận giám định cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận: Vũ Văn M là người lao động tự do, không làm việc tại công ty, tổ chức nào được Nhà nước cấp phép hoạt động dịch vụ đưa người đi lao động ở nước ngoài. Tuy nhiên, M đã đưa ra thông tin gian dối có thể giúp công dân đi xuất khẩu lao động thời vụ tại các nước A, Hàn Quốc trong vòng 3-4 tháng và yêu cầu nộp tiền đặt cọc, tiền dịch thuật, phí hồ sơ, nếu không đi được M sẽ hoàn lại tiền. Do tin tưởng M, nên trong khoảng thời gian từ ngày 15/4/2023 đến 19/7/2023 chị Triệu Thị N đã chuyển khoản cho M với tổng số tiền là 373.400.000 đồng và từ ngày 31/5/2024- 03/7/2024, Nguyễn Văn T4, Hoàng Trung C, Nguyễn Xuân V đã chuyển khoản cho M số tiền 67.100.000 đồng theo yêu cầu của M. Sau khi nhận được các khoản tiền trên, M đều sử dụng chi tiêu cá nhân hết, không sử dụng vào việc lo cho các công dân đi lao động thời vụ như đã hứa hẹn, đến thời gian hẹn cũng không trả lại tiền cho công dân như đã cam kết. Tổng số tiền M đã đã chiếm đoạt là 440.500.000 đồng

[3]. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi phạm tội của mình nhưng vì mục đích vụ lợi với thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt số tiền 440.500.000đ bị cáo cố ý thực hiện, xâm phạm đến đến quyền sở hữu về tài sản của người khác là khách thể được pháp luật bảo vệ. Bị cáo M thực hiện hành vi phạm tội trên 05 lần, tuy nhiên trước, trong thời gian thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo M có công việc và có thu nhập khác ngoài số tiền chiếm đoạt được của bị hại (chạy xe ô tô tải mùn cưa thu nhập có tháng vài chục triệu). Do vậy hành vi của bị cáo không phải phạm tội có tính chất chuyên nghiệp. Trên cơ sở hành vi bị cáo đã thực hiện, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Giang truy tố bị cáo về tội " Lừa đảo theo điểm a khoản 3 Điều 174 BLHS là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4]. Về động cơ, mục đích phạm tội của bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội**,** bị cáo lợi dụng sự tin tưởng của các bị hại để đưa ra những thông tin gian dối về việc đưa các công dân đi lao động thời vụ tại nước A,

Hàn Quốc, mục đích nhằm chiếm đoạt tài sản gây ảnh hưởng xấu tới tình hình an ninh, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn huyện N. Do vây, cần có mức hình phạt nghiêm dành cho bị cáo.

[5]. Về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo thực hiện trên 02 hành vi đều cấu thành tội phạm nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS.

[6]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra bị cáo thành khẩn khai nhận về hành vi phạm tội của mình, ăn năn hối cải; sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đã bồi thường khắc phục bồi thường cho chị N số tiền 18.000.0000đ, bị cáo có bố đẻ là ông Vũ Văn M1 là bệnh binh được tặng huy chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng nhì nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s,b khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.

[7]. Căn cứ tính chất hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; xét thấy cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội cũng như đảm bảo công tác đấu tranh phòng chống tội phạm.

[8]. Về hình phạt bổ sung: Bị cáo kinh tế không có, nên không áp dụng hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 5 Điều 174 BLHS

[9]. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo và gia đình đã trả cho chị N được 18.000.000đ. Chị N, anh C, anh T4, anh V yêu cầu bị cáo M bồi thường tổng số tiền mà bị can đã chiếm đoạt là 422.500.000 đồng. Tại phiên tòa bị cáo nhất trí với đề nghị của bị hại nên cần áp dụng 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự, Điều 584, Điều 585, Điều 586 và Điều 589 Bộ luật Dân sự, buộc Vũ Văn M bồi thường tổng số tiền 422.500.000 đồng cho các bị hại. Cụ thể: trả cho chị C2 Triệu Thị N số tiền: 355.400.000 đồng. Anh Nguyễn Văn T4 số tiền: 23.700.00 đồng. Anh Hoàng Trung C, số tiền 19.200.000 đồng. Anh Nguyễn Xuân V, số tiền: 24.200.000 đồng

[10] Đại diện VKSND huyện Ninh Giang đề nghị về hình phạt chính, tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng TNHS, trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng là có căn cứ và phù hợp với nhận định của HĐXX.

[11].Các vấn đề khác: Kiến nghị Ngân hàng V1 thu hồi số 1017707476 mang tên Vũ Văn M. Kiến nghị Công ty V2 thu hồi sim số 0379.393.866, truy thu số tiền còn lại trong số sim số 0379393866 nộp ngân sánh Nhà Nước.

Sau khi nhận tiền của các bị hại, có lần M có chuyển tiền đến tài khoản ngân hàng của Vũ Tuấn K; Vũ Thị Kim L2; Đào Thị X; Đào Thị T để nhờ đi rút tiền mặt và trả tiền hàng, những người trên không biết nguồn gốc số tiền là do phạm tội mà có nên không có căn cứ xử lý.

[12]. **Về án phí**: Bị cáo bị kết tội nên phải chịu án phí hình sự và án phí dân sự theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174, điểm s,b khoản 1, 2 Điều 51, Điều 38, điểm g khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 584, Điều 585, Điều 586 và Điều 589 Bộ luật dân sự, các Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo Vũ Văn M phạm tội " Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"

Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Vũ Văn M 12 (mười hai) năm tù, thời hạn tính từ ngày 08/01/2025.

Về Trách nhiệm dân sự: Xử buộc Vũ Văn M bồi thường cho những người sau: Chị Triệu Thị N, địa chỉ: Số A đường T, Phường B, Thành phố H, tỉnh Hải Dương: 355.400.000 đồng. Anh Nguyễn Văn T4, địa chỉ: thôn P, xã N, huyện N, tỉnh Hải Dương: 23.700.00 đồng. Anh Hoàng Trung C: 19.200.000 đồng. Anh Nguyễn Xuân V: 24.200.000 đồng. Đều có địa chỉ: Thôn P, xã N, huyện N, tỉnh Hải Dương:

Nếu bị cáo chậm thực hiện nghĩa vụ thì phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán. Lãi suất phát sinh do chậm trả do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự. Nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Kiến nghị Ngân hàng V1 thu hồi số tài khoản 1017707476 mang tên Vũ Văn M. Kiến nghị Công ty V2 thu hồi sim số 0379.393.866, truy thu số tiền còn lại trong số sim số 0379393866 nộp ngân sánh Nhà Nước.

Về án phí: Bị cáo Vũ Văn M phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 21.125.000 đồng án phí dân sự.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Ninh Giang;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Công an tỉnh Hải Dương;
- Phòng HSNVCông an tỉnh HD.
- Chi cục THADS huyện Ninh Giang;
- Bị cáo;
- Bị hại
- Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Minh Hải